

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 139

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Súp cua biển, su su, bắp mỹ, nấm kim châm, trứng gà, bột năng, hành lá, ngô rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Com trắng
- Thịt heo kho củ sắn, hạt màu điều, hành lá
- Canh cải xoong nấu thịt bò, hành lá, ngô rí
- Cải thảo luộc
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Bún cá diêu hồng, cà chua, thơm, rau muống, nấm rom, giá, húng quế, ngô gai, rôi phi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cám...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	800	3,140	25,120
3	0494	Đường cát	1,400	3,880	54,320
4	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
5	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,400	79,200
6	0004	Gạo tẻ máy	6,700	2,560	171,520
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	6,300	28,350
8	0164	Rau mùi (ngô rí)	350	8,820	30,870
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
10	0185	Tỏi ta	100	7,350	7,350
11	0649	Bột năng	1,400	4,675	65,450
12	N0896	Bắp Mỹ (hạt tươi)	1,000	4,200	42,000
13	N0965	Nấm kim châm	500	10,610	53,050
14	0180	Su su	1,100	3,050	33,550
15	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
16	0406	Cua biển (cua bể)	700	91,850	642,950
17	0027	Củ sắn (khoai mì)	1,000	2,520	25,200
18	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,700	21,110	358,870
19	N0770	Thịt nạc dăm	1,400	17,960	251,440
20	0096	Cải xoong (xà lách xoong)	2,900	5,670	164,430
21	0286	Thịt bò loại II	1,000	36,750	367,500
22	0191	Cải thảo	1,100	5,460	60,060
23	N0956	Bún gạo 3 Cây dừa	2,100	4,950	103,950
24	0087	Cà chua	900	6,300	56,700
25	0118	Giá đậu xanh	600	2,730	16,380

26	0158	Rau húng	150	11,870	17,805
27	0211	Nấm rơm	400	13,130	52,520
28	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,410	9,615
29	0748	Rau muống	400	3,990	15,960
30	0226	Khóm (Dứa ta)	1,700	2,940	49,980
31	N0799	Cá điêu hồng phi lê	1,200	22,680	272,160
32	0457	Sữa bột toàn phần	6,368.75	20,500	1,305,594
33	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,448	14,750	656,080
Tổng cộng					5,142,994

Tổng tiền thực phẩm	5,142,994
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,142,994
Số dư đầu ngày	-6
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	9,805,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	9,805,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan

